

Số: **291/2020/QĐST-HNGĐ**

*Tp. Tuyên Quang, ngày 16 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 241/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trà M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 459, tổ 1, phường Th, thành phố T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Lê Tuấn Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Lương Thiện, xã S (xã Sầm Dương cũ), huyện D, tỉnh Q.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Trà M và anh Lê Tuấn Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 19/12/2017 cho chị Nguyễn Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Tuấn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh Đ số tiền 5.000.000 đ (Năm

triệu đồng)/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020 đến khi cháu Lê Minh Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Tuấn Tr được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.*

- Về tài sản, đất đai chung: Chị Nguyễn Trà M và anh Lê Tuấn Tr cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Trà M và anh Lê Tuấn Tr cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Trà M tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000565 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Nguyễn Trà M số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Trà M đã nộp đủ số tiền án phí.

Anh Nguyễn Tuấn Tr phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền là 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND phường Th; xã S;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Ngọc Lan**

